



1162 Series

Tải nặng

BÁNH XE SIÊU TẢI (Hai bánh)

大象腳輪系列(雙輪)

- Bánh xe siêu tải của Dersheng được thiết kế để sử dụng trong những môi trường khắc nghiệt nhất, có khả năng chịu tải siêu nặng đồng thời tuổi thọ sử dụng của bánh xe cũng được cải thiện và kéo dài.
- 得胜大象脚輪是為了應付產業上最嚴苛的使用環境而設計的，可以承載極高荷重及有效提高延長腳輪使用壽命。

Tải trọng 載重
1200 - 4900 kg



» Đặc điểm 特色區



Ổ bi côn
斜珠軸承

Ổ côn sử dụng cho càng xe, quỹ đạo vòng trong và ngoài của ổ côn và mặt chuyển động của bánh xe đều được thiết kế đặc biệt, giúp cho bánh xe chịu được tải trọng nặng, thích hợp sử dụng cho những nơi yêu cầu tải nặng và chống va đập, đồng thời có thể tháo lắp dễ dàng.

此斜珠軸承用於架子上，及軸承之內輪及外輪的軌道面與輪子的轉動面都經過設計，使其具有大的負荷能力，用於重負荷及衝擊負荷最適合，且拆裝容易。



Khóa KD
KD煞

» Vật liệu bánh xe 輪子選項



Bánh VXPU lõi gang
鐵芯VXPU



Bánh XPU lõi gang
鐵芯XPU



Ổ bi côn
斜珠軸承

**» Quy cách tấm lắp 底板規格**

Số thứ tự 編號	Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
6" 8" 10" 12"	255 x 200mm (10-1/16" x 7-7/8")	210 x 160mm (8-1/4" x 6-5/16")	20 mm (3/4")

 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴轉半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 制車			
150mm x 42mm (6" x 1-5/8")	1200 kgs (2645 lbs)	Bánh VXPU lõi gang (cong) 鐵芯 VXPU (圓弧)	1162(D)-06-91-1	1162(D)-06-91-2	1162(D)-06-91-4	Ổ bi côn 斜球軸承	230mm (9-1/16")	Xoay 140mm Khóa KD 143mm 活動 140mm KD 煞 143mm
200mm x 50mm (8" x 2")	1800 kgs (3970 lbs)	Bánh VXPU lõi gang (cong) 鐵芯 VXPU (圓弧)	1162(D)-08-91-1	1162(D)-08-91-2	1162(D)-08-91-4	Ổ bi côn 斜球軸承	280mm (11-1/32")	Xoay 168mm Khóa KD 168mm 活動 168mm KD 煞 168mm
200mm x 65mm (8" x 2-9/16")	2350 kgs (5180 lbs)	Bánh XPU lõi gang (cong) 鐵芯 XPU (圓弧)	1162(D)-08-96-1	1162(D)-08-96-2	1162(D)-08-96-4	Ổ bi côn 斜球軸承	280mm (11-1/32")	Xoay 178mm Khóa KD 178mm 活動 178mm KD 煞 178mm
250mm x 62mm (10" x 2-7/16")	2900 kgs (6400 lbs)	Bánh VXPU lõi gang (cong) 鐵芯 VXPU (圓弧)	1162(D)-10-91-1	1162-10-91-2	1162-10-91-4	Ổ bi côn 斜球軸承	330mm (13")	Xoay 205mm Khóa KD 205mm 活動 205mm KD 煞 205mm
250mm x 80mm (10" x 3-1/8")	3600 kgs (7940 lbs)	Bánh VXPU lõi gang (phẳng) 鐵芯 VXPU (平面)	1162(D)-10-91(80)-1	1162(D)-10-91(80)-2	1162(D)-10-91(80)-4	Ổ bi côn 斜球軸承	330mm (13")	Xoay 218mm Khóa KD 218mm 活動 218mm KD 煞 218mm
300mm x 90mm (12" x 3-1/2")	4900 kgs (10800 lbs)	Bánh VXPU lõi gang (phẳng) 鐵芯 VXPU (平面)	1162(D)-12-91-1	1162(D)-12-91-2	1162(D)-12-91-4	Ổ bi côn 斜球軸承	390mm (15-23/64")	Xoay 248mm Khóa KD 248mm 活動 248mm KD 煞 248mm